

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2018/HS-ST
Ngày 22 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Kim Dung.

Ông Lê Bắc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, bà Hà Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Giàng A N; tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993 tại P, Lai Châu; Nơi cư trú: Bản M, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hoá: 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A D1 và bà Sùng Thị D2 (đều đã chết); có vợ là Phàn Thị A và có 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/02/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Chị Vàng Thị Ch; sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Bản Đ, xã O, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Phàn Thị A; sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Bản M, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 50 phút ngày 28/02/2018, Tổ công tác phòng An ninh điều tra (PA92) Công an tỉnh Sơn La phối hợp với Công an huyện Th làm nhiệm vụ tại khu vực bản K, xã E, huyện Th, tỉnh Sơn La phát hiện và bắt quả tang Giàng A N (Trú tại: M, P, Lai Châu) đang có hành vi đưa Vàng Thị Ch (Trú tại: Đ, O, Y,

Son La) sang Trung Quốc để bán.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE BKS 25B1-365.49, 01 điện thoại di động, 1.750.000 đồng cùng một số giấy tờ có liên quan.

Quá trình điều tra Giàng A N khai nhận:

Năm 2013, Giàng A N sang Trung Quốc qua cửa khẩu Ma Lù Thàng, huyện P, tỉnh Lai Châu làm thuê cho hai vợ chồng người trung Quốc (chồng tên Thào Sang Chì, vợ là Giàng Chu) ở cách đường biên giới Việt - Trung khoảng 50km (N không biết địa danh cụ thể) được một tuần thì thôi không làm nữa mà quay trở về Việt Nam. Trước khi về, Chì cho N số điện thoại để liên lạc

Ngày 27/2/2018, N đang ở nhà thì Chì đến gặp và đặt vấn đề thuê N sang huyện Th, tỉnh Sơn La để một người phụ nữ dân tộc Mông rồi đưa sang trung Quốc cho Chì để Chì bán cho người đàn ông bên Trung Quốc lấy làm vợ, Chì hứa sẽ trả công cho N 2.000 nhân dân tệ, N đồng ý. Chì cho N số điện thoại của người phụ nữ dân tộc Mông để liên lạc và đưa trước cho N 400 nhân dân tệ (Số tiền trên N đổi được 1.360.000 đồng).

Khoảng 08 giờ ngày 28/2/2018, N gọi điện theo số điện thoại Chì cho và được biết người phụ nữ đó là Vàng Thị Ch (trú tại: bản Đ, O, Y, Sơn La). N giới thiệu mình là người được Chì cử đến đón Ch sang Trung Quốc, hai người hẹn gặp nhau trên đường Quốc lộ 6, thuộc bản PC, xã E, huyện Th, Ch sẽ mặc áo màu hồng, váy màu xanh để N nhận biết. Thỏa thuận xong, N đi xe máy từ nhà sang tỉnh Sơn La. Khi đi đến huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, N gọi điện cho Ch, Ch nói đã đến chỗ hai người hẹn gặp nhau. N đi đến địa phận bản Pa Khôm, xã E, huyện Th thì thấy Ch đang đứng đợi, N bảo Ch lên xe. N điều khiển xe theo hướng Tuần Giáo, Điện Biên, đi được một đoạn thì bị phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra Vàng Thị Ch khai nhận:

Khoảng tháng 02/2018, có một người đàn ông dân tộc Mông liên tục gọi điện cho Ch (tự giới thiệu tên là Chì, người trung Quốc), rủ Ch sang Trung Quốc lấy chồng sẽ được hưởng cuộc sống sung sướng. Đến chiều ngày 27/02/2018, Chì tiếp tục gọi điện rủ Ch sang Trung Quốc, Ch đồng ý, Chì nói sẽ cử người đến đón Ch.

Sáng ngày 28/2/2018, có một người đàn ông gọi điện cho Ch, giới thiệu là người do Chì cử đến đón Ch đi Trung Quốc và hẹn đón Ch ở đường Quốc lộ 6, khu vực đèo Pha Đin thuộc bản Pa Khôm, xã E, huyện Th, tỉnh Sơn La. Ch đón xe buýt đi từ trường Cao Đẳng Sơn La đến xã Phông Lái, huyện Th rồi đi bộ theo hướng lên đèo Pha Đin chờ người đến đón. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/2/2018, N đi xe máy đến gặp và chở Ch đi, khi xe đi được khoảng 1km thì bị phát hiện bắt quả tang.

Về trách nhiệm dân sự: Vàng Thị Ch yêu cầu được bồi thường tổn thất về danh dự, nhân phẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng Thào Sang Chì, theo lời khai của Giàng A N cũng như Vàng Thị Ch, số điện thoại Chì dùng để liên lạc là số 016888583723. Kết quả xác minh tên đăng ký thuê bao là Chèo Củ Q, trú tại xã L, huyện P, tỉnh Lai Châu. Xác minh tại xã L không có đối tượng nào là Q nên Cơ quan an ninh điều tra không có căn cứ để xác minh mở rộng vụ án.

Tại cáo trạng số:73/VKS-P1 ngày 20/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Giàng A N về tội Mua bán người, theo điểm a khoản 1 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 150, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Giàng A N 04 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Giàng A N nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – chị Phàn Thị A (May) có ý kiến: chiếc xe máy bị thu giữ trong vụ án là tài sản chung của chị A và bị cáo N, việc bị cáo N sử dụng xe máy để thực hiện hành vi phạm tội chị A không, chiếc xe là tài sản có giá trị duy nhất phục vụ cuộc sống hàng ngày của gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe trên cùng giấy tờ xe cho gia đình chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Giàng A N:

Ngày 28/2/2018, tại khu vực bản K, xã E, huyện Th, tỉnh Sơn La, Giàng A N (trú tại bản M, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu) bị bắt quả tang khi đang trên đường đưa Vàng Thị Ch (Trú tại: Đình Chí, O, Y, Sơn La) sang Trung Quốc để bán. Hành vi phạm tội của bị cáo Giàng A N được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 16 giờ 00 phút ngày 28/02/2018 đối với Giàng A N về hành vi Mua bán người tại vực bản K, xã E,

huyện Th, tỉnh Sơn La

- Lời khai nhận tội của bị cáo Giàng A N tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại Vàng Thị Ch, phù hợp với list các cuộc điện thoại của Giàng A N, Vàng Thị Ch được thu giữ, phù hợp các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện việc Vàng Thị Ch bị rủ rê lôi kéo sang Trung Quốc, còn Giàng A N được một đối tượng tên Thảo Sang Chì người Mông bên Trung Quốc thuê đưa Ch sang Trung Quốc để Chì bán nhằm hưởng lợi số tiền 2.000.000 nhân dân tệ.

Từ các căn cứ như đã nêu trên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Giàng A N phạm tội Mua bán người, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 150 Bộ luật Hình sự.

[3] Khung hình phạt áp dụng:

Bị cáo Giàng A N đã có hành vi đưa người bị hại sang Trung Quốc để chuyển giao cho đối tượng Thảo Sang Chì nhằm hưởng lợi số tiền 2.000 nhân dân tệ (tương đương 6.600.000 đồng), đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 150 Bộ luật hình sự 2015 “*Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác*”, có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Ngoài hình phạt chính, bị cáo Giàng A N còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 150 Bộ luật Hình sự. Song xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Giàng A N thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, bị cáo Giàng A N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là xâm phạm quyền tự do, thân thể của người phụ nữ được pháp luật bảo vệ, song vì hám lời đã bất chấp pháp luật để thực hiện tội phạm. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo mới đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Giàng A N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên được áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, người bị hại Vàng Thị Ch yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự nhân phẩm theo quy định của pháp luật. Xét chưa có thiệt hại về vật chất, tinh thần xảy ra nên không chấp nhận yêu cầu trên của người bị hại Vàng Thị Ch.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL thu giữ của Giàng A N trong vụ án, xét là phương tiện bị cáo sử dụng phục vụ hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ N nước.

Đối với số tiền 1.750.000 đồng thu Giàng A N trong vụ án, xét số tiền trên bao gồm một phần tiền ứng trước của Thảo Sang Chì cho Giàng A N để thực hiện việc đưa người sang Trung Quốc, một phần tiền cá nhân của Giàng A N để phục vụ cho mục đích đưa người sang Trung Quốc bán nên cần tịch thu sung công quỹ N nước.

Đối với 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Giàng A N, xét không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Giàng A N.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe BLEAD BKS 25B1-365.49 và đăng ký xe mang tên Giàng A N bị thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung của bị cáo Giàng A N và vợ là Phan Thị A (May). Khi N lấy xe đi, chị A không biết việc N sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội, xét hoàn cảnh gia đình chị A khó khăn, chiếc xe là phương tiện duy nhất phục vụ cuộc sống của gia đình, cần trả lại chiếc xe trên cùng đăng ký xe cho chị Phan Thị A.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Giàng A N phạm tội Mua bán người.

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng A N 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

- Tịch thu sung công quỹ N nước: 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL thu giữ của Giàng A N trong vụ án được niêm phong trong một chiếc phong bì do Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Sơn La phát hành, mặt trước có ghi: “Điện thoại thu giữ của Giàng A N, ngày 28/2/2018”. Mặt sau phong bì có chữ ký, dòng ghi họ tên của Giàng A N, Đặng Thanh Sơn.

- Tịch thu sung công quỹ N nước: 1.750.000 đồng tiền Ngân hàng N nước Việt Nam phát hành thu giữ của Giàng A N trong vụ án được niêm phong trong một chiếc phong bì do Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Sơn La phát hành, mặt trước có ghi: “Tiền Việt Nam: 1.750.00 đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn

đồng) thu giữ của Giàng A N”. Mặt sau phong bì có chữ ký, dòng ghi họ tên của Vì Văn Phương, Trương Bá Thi.

- Trả cho bị cáo Giàng A N: 01 (Một) chứng minh thư nhân dân mang tên Giàng A N, có số 045161367 do Công an tỉnh Lai Châu cấp ngày 12/8/2013.

- Trả cho chị Phàn Thị A (May): 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe BLADE, màu sơn đen có BKS 25B1-365.49. Xe có số máy JA36E0279942; số khung 3621EY151160, xe đã qua sử dụng, không có chìa khóa kèm 01 (Một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Giàng A N, BKS 25B1-365.49, có số 023960 do Công an tỉnh Lai Châu cấp ngày 03/03/2017.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng A N.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PA92 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cầm Văn Thanh

